

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rê.
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Long An và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phùng Thị Tú T, sinh năm 1993 và ông Trần Văn N, sinh năm 1987, địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-7-2023, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày và yêu cầu:

Ngày 16-11-2022, bà Phùng Thị Tú T và ông Trần Văn N có chốt lại còn nợ ông bà số tiền 90.000.000 đồng (có lập giấy tay nhận nợ ngày 16-11-2022 âm lịch, do bà T viết, bà T và ông N ký tên), hẹn thời hạn trả tiền trong vòng 90 ngày kể từ ngày 16-11-2022 âm lịch, không tính lãi.

Đến hạn thanh toán ông bà đã nhiều lần liên hệ nhưng bà [T](#), ông [N](#) không thực hiện việc thanh toán.

Nay ông bà yêu cầu bà [T](#), ông [N](#) trả liên đới cho ông bà số tiền 90.000.000 đồng, không tính lãi; Vì không tính lãi nên không thống nhất yêu cầu trả dần hàng tháng của bà [T](#).

– Tại Bản tự khai ngày 28-11-2023, các văn bản tiếp theo, bị đơn bà [Phùng Thi Tú T](#) trình bày:

Bà thống nhất toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của ông [Q](#), bà [H](#). Bà đồng ý trả cho ông [Q](#), bà [H](#) số tiền 90.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần hàng tháng cho ông [Q](#), bà [H](#).

- Vụ án hòa giải không thành do bị đơn ông [Trần Văn N](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt;

- Bị đơn là bà [Phùng Thi Tú T](#) và ông [Trần Văn N](#) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông [Nguyễn Văn Q](#) và bà [Nguyễn Thị Ngọc H](#) khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà [Phùng Thi Tú T](#) và ông [Trần Văn N](#), Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Bị đơn là bà [Phùng Thi Tú T](#) và ông [Trần Văn N](#) được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Xét việc ông [Q](#), bà [H](#) yêu cầu bà [T](#), ông [N](#) liên đới trả cho ông [Q](#), bà [H](#) 90.000.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận, vì phù hợp giấy tay nhận nợ ngày 16-11-2022 âm lịch mà ông [Q](#), bà [H](#) nộp cho Tòa án và phù hợp với thừa nhận của bà [T](#);

[5] Ông [N](#) được thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến; ông [N](#) không tham gia hòa giải, không đến dự phiên tòa nên không có căn cứ xem xét, ông [N](#) đã từ chối quyền lợi tố tụng của ông [N](#), do đó, chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Bà [T](#) và ông [N](#) là vợ chồng, cùng ký giấy nhận nợ nên ông [Q](#), bà [H](#) yêu cầu bà [T](#), ông [N](#) phải liên đới trả tiền cho ông [Q](#), bà [H](#) là phù hợp quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

[7] Việc ông [Q](#), bà [H](#) không yêu cầu tính lãi của số tiền 90.000.000 đồng là tự nguyện nên ghi nhận.

[8] Từ nhận định trên, bà [T](#), ông [N](#) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông [Q](#), bà [H](#) 90.000.000 đồng.

[9] Xét việc bà [T](#) yêu cầu được trả dần hàng tháng nhưng ông [Q](#), bà [H](#) không thống nhất; Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án là phù hợp.

[10] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông [Q](#), bà [H](#) được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, trả lại cho ông [Q](#), bà [H](#) 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; bà [T](#), ông [N](#) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông [Q](#), bà [H](#) 90.000.000 đồng, nên phải liên đới chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 288, 357, 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông [Nguyễn Văn Q](#) và bà [Nguyễn Thị Ngọc H](#) đối với bà [Phùng Thị Tú T](#) và ông [Trần Văn N](#).

Buộc bà [Phùng Thị Tú T](#) và ông [Trần Văn N](#) phải liên đới trả cho ông [Nguyễn Văn Q](#) và bà [Nguyễn Thị Ngọc H](#) 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bà [Phùng Thị Tú T](#) và ông [Trần Văn N](#) phải liên đới nộp 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông [Nguyễn Văn Q](#) và bà [Nguyễn Thị Ngọc H](#) 2.250.000 đồng (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

theo biên lai thu số 0002328 ngày 01-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-01-2023); Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương